

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ cát, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại vị trí 2 - thôn 3 và thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Địa điểm thực hiện: thôn 3 và thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH NNB Kon Tum

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. Phạm vi: Đất sông Đăk Pơ Ne thôn 3 và thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum do UBND xã Tân Lập quản lý.

b. Quy mô về trữ lượng:

- Trữ lượng khoáng sản cát cấp 122 được phê duyệt ở thể tự nhiên 21.260 m³;
- Trữ lượng khoáng sản sạn, sỏi cấp 122 được phê duyệt ở thể tự nhiên 5.315 m³;
- Trữ lượng khoáng sản cát huy động vào thiết kế khai thác ở thể tự nhiên 21.260 m³;
- Trữ lượng khoáng sản sạn, sỏi huy động vào thiết kế khai thác ở thể tự nhiên 5.315 m³;
- Trữ lượng khoáng sản cát huy động vào thiết kế khai thác ở thể nguyên khai 23.917,5 m³ (hệ số nở rời 1,125);
- Trữ lượng khoáng sản sạn, sỏi huy động vào khai thác ở thể nguyên khai 6.856,35 m³ (hệ số nở rời 1,29).

c. Công suất: Công suất khai thác cát, sạn, sỏi 3.675 m³/năm ở thể tự nhiên. Trong đó:

- Công suất khai thác cát 2.940 m³/năm ở thể tự nhiên tương đương 3.307,5 m³/năm ở thể nguyên khai;
- Công suất khai thác sạn, sỏi 735 m³/năm ở thể tự nhiên tương đương 948,15 m³/năm ở thể nguyên khai

1.3. Công nghệ sản xuất: Sử dụng máy hút bơm cát đặt trên bè để bơm cát về bãi tập kết; xúc bốc trực tiếp sạn, sỏi lớn bằng máy xúc lên ô tô đưa về bãi tập kết.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

a. Hạng mục đầu tư xây dựng chính:

Bảng 3. Hạng mục đầu tư xây dựng chính

TT	CÁC CÔNG TRÌNH TẠI MỎ	ĐVT	KÍCH THUỐT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Phòng làm việc	m ²	12,5	1	Dạng container được sản xuất làm nhà điều hành.
2	Nhà vệ sinh + nhà tắm	m ²	2,5	1	Dạng container được sản xuất làm nhà điều hành, lát gạch chống trượt.
3	Kho vật tư, kho chất thải nguy hại	m ²	15,0	1	Dạng container được sản xuất làm nhà điều hành.
4	Khu tập kết	m ²	1.300	1	San gạt, đầm chặt k95
5	Hệ thống cung cấp nước	Cái	1 m ³	1	Nằm cạnh nhà điều hành.
6	Sân bãi, chỗ để xe	m ²	100	1	Đầm chặt K95, đổ mặt.
7	Sân giếng	m ²	10	1	Đầm chặt K95, nền lán xi măng

b. Đầu tư các máy móc, thiết bị:

Bảng 4. Danh mục các thiết bị, máy móc

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống khai thác	HT	01	Công suất 53,73 m ³ /ca/ngày/hệ thống; 54,72 ca/năm; Sử dụng tại khai trường gồm 01 máy bơm đặt trên 01 bè tự hành
2	Máy xúc thủy lực 1,2 m ³	máy	01	Công suất: 250 m ³ /ca; 14,7 ca/năm (2,9 ca xúc bốc sạn, sỏi tại khai trường; 11,8 ca xúc bốc tại bãi tập kết)
3	Hệ thống trạm cân và camera giám sát lắp đặt theo Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường			

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không.

2. Các nội dung tham vấn

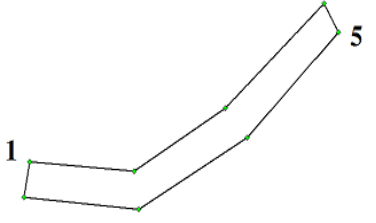
2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

a. Vị trí, ranh giới dự án và việc chiếm dụng đất:

Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ cát, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại vị trí 2 - thôn 3 và thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum có tổng diện tích đất sử dụng **1,65ha**. Trong đó:

- Khu vực khai thác mỏ cát, sạn, sỏi: Có diện tích **1,5ha** thuộc lòng sông Đăk Pơ Ne được giới hạn bởi các điểm khếp góc và có tọa độ hệ VN2000 - Kinh tuyến trục 107°30', múi chiếu 3°, cụ thể như sau:

Bảng 1. Tọa độ các điểm khếp góc khu vực khai thác

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 107°30'		SƠ ĐỒ
	X (m)	Y (m)	
1	1.600.633	574.856	
2	1.600.624	574.977	
3	1.600.686	575.082	
4	1.600.789	575.196	
5	1.600.761	575.212	
6	1.600.657	575.107	
7	1.600.586	574.982	
8	1.600.598	574.850	
Diện tích 1,5 ha			

* Mặt bằng sân công nghiệp: Diện tích 0,15ha, hiện trạng là bãi đất trống thuộc đất sông suối do UBND xã Tân Lập quản lý được giới hạn bởi các điểm khếp góc và có tọa độ hệ VN2000 - Kinh tuyến trục 107°30', múi chiếu 3°, cụ thể như sau:

Bảng 2. Tọa độ các điểm khếp góc mặt bằng sân công nghiệp

TT	Hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 107°30'	
	X(m)	Y(m)
1	1.600.858	575.209
2	1.600.900	575.250
3	1.600.884	575.270
4	1.600.842	575.228
Tổng	0,15 ha	

b. Mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh:

- Khu dân cư nằm hướng bắc của dự án, cách dự án khoảng 55 m theo đường chim bay.
- Cầu KonBrai nằm hướng Tây Nam của dự án, cách dự án khoảng 2,8km theo đường chim bay.
- Cầu thôn 6 cách dự án khoảng 280m về phía thượng lưu.
- Đường QL 24 nằm hướng bắc của dự án, cách dự án khoảng 85m theo đường chim bay, tuyến đường này đã thực hiện nâng cấp, sửa chữa do đó khi triển khai thực hiện dự án sẽ không ảnh hưởng đoạn đường QL 24 gần khu vực dự án.

- UBND xã Tân Lập nằm phía Tây của dự án, cách dự án khoảng 1km theo đường chim bay.
- Trạm y tế xã Tân Lập nằm phía Tây của dự án, cách dự án khoảng 1km theo đường chim bay.
- Trường tiểu học Tân Lập: nằm phía Tây của dự án, cách dự án khoảng 1km theo đường chim bay.
- Khu rừng phòng hộ do UBND xã Tân Lập quản lý nằm phía Đông Bắc của dự án, cách dự án 3,3 km theo đường chim bay.

c. Đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án:

Khu vực dự án khai thác mỏ cát, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại vị trí 2 - thôn 3 và thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum có khu vực khai thác là khu vực ngập nước và một phần bãi bồi; khu vực mặt bằng sản công nghiệp là đất trống thuộc đất sông suối. Gắn bờ sông thuộc khu vực khai thác, một bên là đất trống; một bên là tre nứa, cỏ tranh đang phát triển tốt.

Theo khảo sát thực tế, hiện trạng đa dạng sinh học ở đây tương đối nghèo.

- *Hai bên bờ sông*: Hệ động vật gồm có các loại như: Chuột bỏ (*Caviidae*, *Rattus norvegicus*), thằn lằn (*Mabuya sp*), ếch, nhái (*Vibrissaphora*),; hệ thực vật: tre nứa, cỏ tranh, lau lách,...

- *Tại lòng sông gồm có hệ sinh vật thủy sinh gồm các loài*: Cá chép (*Cyprinus carpio*), cá bống (*Oxyeleotris marmoratus*), cá rô (*Trichogaster microlepis*), tôm (*Macrobrachium nipponensis*), các loài tảo (*Pyrenoidosa*, *Xanthophyta*,...) rong rêu (*Embryophytes Bryophyta*,...), phiêu sinh vật đáy,... với số lượng không nhiều.

Nên khi triển khai dự án thì đa dạng sinh học khu vực ít bị tác động

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường
Giai đoạn xây dựng	San nền, tạo mặt bằng	Bụi đất, tiếng ồn, rung
	Hoạt động vận chuyển, bốc dỡ, tập kết VLXD, máy móc, thiết bị, container Thi công các hạng mục xây dựng.	- Bụi cuốn từ đường - Khí thải từ các phương tiện vận chuyển - Tiếng ồn, độ rung - CTR xây dựng, CTNH - Tai nạn lao động

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường
		- Sự cố cháy nổ
		- Nước thải xây dựng - Nước mưa chảy tràn
	Sinh hoạt của công nhân	- Nước thải sinh hoạt. - Rác thải
Giai đoạn hoạt động	Bơm hút, sàng phân loại cát, sạn sỏi; tập kết cát	- Bụi, - Khí thải: CO ₂ , SO _x , NO _x ,... - Tiếng ồn, rung.
		Nguy cơ sạt lở bờ sông
		Rửa trôi cát chảy tràn xung quanh.
		Nước mưa chảy tràn
	Bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị	Chất thải nguy hại
	Sinh hoạt của cán bộ, công nhân	Chất thải rắn sinh hoạt
		Nước thải sinh hoạt

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
	San nền, tạo mặt bằng	Bụi đất, tiếng ồn, rung	- Tưới phun nước quanh khu vực phát sinh nhiều bụi - Kiểm tra các phương tiện trước thời gian thi công. - Không hoạt động thi công vào giờ nghỉ ngơi	Trong thời gian thi công dự án
	Hoạt động vận	- Bụi cuốn từ đường	- Che phủ nguyên vật liệu khi vận chuyển và tập kết.	Trong thời gian thi công dự án

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
Giai đoạn xây dựng	chuyển, bốc dỡ, tập kết VLXD, máy móc, thiết bị, container Thi công các hạng mục xây dựng.	- Khí thải từ các phương tiện vận chuyển - Tiếng ồn, độ rung - CTR xây dựng, CTNH	- Sử dụng máy móc chất lượng tốt. - Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm. - Chạy đúng tốc độ, chở đúng trọng tải. - Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân. - Bảo trì, bảo dưỡng động cơ thiết bị đúng định kỳ. - Chất thải rắn xây dựng tận dụng san lấp mặt bằng. - Chất thải nguy hại: Thu gom và thuê đơn vị có chức năng xử lý.	Trong thời gian thi công dự án
		- Nước thải xây dựng - Nước mưa chảy tràn	Tạo rãnh thoát nước tạm tại nơi vệ sinh, làm mát động cơ, máy móc và khu vực có hố ga.	
	Sinh hoạt của công nhân	- Nước thải sinh hoạt. - Rác thải	- Rác thải sinh hoạt: bố trí các thùng chứa rác ở khu lán trại và thu gom, vận chuyển về bãi rác cũ. - Nước thải sinh hoạt: Thỏa thuận sử dụng nhà vệ sinh của nhà dân <i>(khi có nhu cầu)</i>	
Giai đoạn hoạt động	Bơm hút, sàng phân loại cát, sạn sỏi; tập kết cát	- Bụi, - Khí thải: CO₂, SO_x, NO_x,... - Tiếng ồn, rung.	- Lập kế hoạch khai thác hợp lý, ngừng khai thác vào những ngày có thời tiết xấu như gió lớn, áp thấp nhiệt đới, bão lũ... - Sử dụng nhiên liệu chứa hàm lượng S thấp. - Khu vực lưu trữ cát phải được che chắn. - Tưới nước khu vực bãi tập kết - Trang bị bảo hộ lao động. - Sử dụng phương tiện hiện đại và kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.	Trong giai đoạn hoạt động

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		Nguy cơ sạt lở bờ sông	Thực hiện kè chống sạt lở	Trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn hoạt động
		Rửa trôi cát chảy tràn xung quanh.	Kè bao chứa cát xung quanh bãi tập kết cát	Trong thời gian hoạt động của dự án
		Nước mưa chảy tràn	Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn tại mặt bằng sân công nghiệp và đường vận chuyển	Trong giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thành trước khi đi dự án đi vào hoạt động
	Bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị	Chất thải nguy hại	- Bố trí kho vật tư, kho chứa CTNH diện tích 15 m² - Thu gom, phân loại và quản lý theo Thông tư số 22/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý CTNH.	Trong giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thành trước khi đi dự án đi vào hoạt động
	Sinh hoạt của cán bộ, công nhân	Chất thải rắn sinh hoạt	- Bố trí thùng rác tại khu vực văn phòng và bãi tập kết - Thu gom, phân loại và đưa đi xử lý theo từng loại rác thải.	Trong thời gian hoạt động của dự án
		Nước thải sinh hoạt	Nhà vệ sinh di động với bể tự hoại 3 ngăn	Trong giai đoạn thi công xây dựng và hoàn thành trước khi đi dự án đi vào hoạt động.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a. Chương trình quản lý và giám sát môi trường:

Vì thời gian xây dựng cơ bản diễn ra trong thời gian ngắn trong khoảng 03 tháng nên việc giám sát môi trường chỉ thực hiện trong giai đoạn hoạt động của dự án, cụ thể như sau:

* Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Thông số giám sát: VKH (*Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió*); Tiếng ồn; bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.
- Vị trí giám sát: Tại khu vực bãi tập kết
- Số lượng mẫu: 01 mẫu.
- Tần suất: 01 năm/lần.
- Quy chuẩn MT so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

* Giám sát môi trường nước mặt:

- Thông số giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, NO₃⁺, PO₄³⁻, Fe, Tổng dầu mỡ, Coliform.
- Vị trí giám sát: 03 vị trí trên sông Đắc Pơ Ne: 01 điểm tại khu vực khai thác; 01 điểm tại thượng lưu so với khu vực khai thác; 01 điểm tại hạ lưu so với khu vực khai thác: NM03
- Số lượng mẫu: 03 mẫu.
- Tần suất: 01 năm/lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

* Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Giám sát chất thải rắn thông thường:
 - + Vị trí giám sát: Khu vực tập trung rác thải sinh hoạt.
 - + Tần suất: 01 năm/lần.
- Chất thải nguy hại: Giám sát khối lượng, phân loại, thu gom và đăng ký quản lý chất thải nguy hại theo quy định hiện hành.
 - + Vị trí giám sát: Kho lưu giữ chất thải nguy hại.
 - + Tần suất: 01 năm/lần.

* Giám sát khác

- Giám sát sạt lở bờ sông.
- Tần suất giám sát: thường xuyên.

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

* *Các biện pháp an toàn phòng chống cháy nổ:*

- Cán bộ, công nhân làm việc tại khu vực dự án sẽ được tập huấn, hướng dẫn các

phương pháp phòng chống cháy nổ.

- Các loại nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt.
- Quy định cấm công nhân hút thuốc và mang vật liệu phát lửa vào khu vực có thể gây cháy, nổ.
- Bố trí các bình cứu hoả cầm tay ở những vị trí thích hợp nhất để tiện sử dụng khi cần thiết.
- Máy móc, thiết bị phải có đầy đủ hồ sơ, lý lịch kiểm tra bảo dưỡng định kỳ nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống điện để đảm bảo không xảy ra sự cố làm nổ máy biến áp.
- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải được bố trí thật an toàn.
- Tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, công nhân tham gia dự án nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy an toàn phòng cháy chữa cháy của Nhà nước.

** Biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông:*

- Công tác an toàn lao động là công việc hết sức nặng nề, nguy hiểm đòi hỏi yêu cầu nghiêm ngặt về công tác bảo đảm an toàn cho người lao động và các phương tiện. Trước khi bước vào khai thác phải có thiết kế thi công mỏ theo quy định hiện hành. Phải có giám đốc điều hành mỏ, tất cả cán bộ, công nhân tham gia hoạt động khai thác mỏ ngoài chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn đều phải được huấn luyện công tác an toàn, bảo hộ lao động theo quy định.
- Trong quá trình khai thác cán bộ công nhân lao động phải tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong khai thác mỏ.
- Xây dựng nội quy an toàn lao động và phổ biến cho tất cả mọi người biết để thực hiện đầy đủ.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, như dây an toàn, mũ bảo hộ, quần áo...
- Quá trình khai thác mỏ phải thường xuyên bám sát thiết kế để chỉ đạo, thực hiện đúng thiết kế đã phê duyệt.
- Yêu cầu tài xế các phương tiện tham gia vận chuyển thành phẩm chạy đúng tốc độ quy định đảm bảo an toàn trên đường.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, đăng kiểm định kỳ theo đúng quy định.

** Biện pháp phòng ngừa chống sạt lở bờ sông:*

- Khai thác cát đúng theo phương pháp và vị trí đã được phê duyệt. Không khai thác gần bờ và quá độ sâu quy định.

- Quản lý chặt chẽ chất thải rắn và chất thải nguy hại để hạn chế tác động xấu đến hệ sinh thái khu vực khai thác.

- Tuân thủ khoảng cách an toàn đối với bờ sông: Với phạm vi khu vực khai thác cách mép bờ sông phía mặt bằng sản công nghiệp trung bình 13m và cách mép bờ sông còn lại trung bình 7,5m thì đảm bảo khoảng cách ít nhất 10% chiều rộng của lòng sông.

- Không chế độ sâu khai thác đúng theo giấy phép khai thác quy định.

- Trang bị kỹ năng và ý thức cho công nhân vận hành.

- Không để rơi vãi nhiên liệu và các vật chất khác ra môi trường đặc biệt là dầu nhớt sử dụng để vận hành máy móc, thiết bị.

- Hạn chế lưu trữ dầu nhớt trên phương tiện khai thác, khi cần thay nhiên liệu thì che chắn tại những điểm cần thay và thu gom chai, can dầu nhớt thải bỏ không để rơi vãi ra gây ô nhiễm môi trường và giảm chất lượng nước hoặc ảnh hưởng đến hoạt động sử dụng nước ở vùng hạ du.

- Theo khảo sát địa chất tại vị trí sạt lở thì địa chất ở đây là đất bồi của sông thành phần chính là cát pha nên thực hiện kè chống sạt lở bờ sông bằng cách xếp đá khan không chít mạch với chiều dài 175 m, chiều cao 1m.

- Khai thác dọc theo hướng dòng chảy của sông để tránh sự thay đổi dòng chảy và khai thác từ thượng lưu xuống hạ lưu nhằm giảm thiểu độ đục cho vùng hạ lưu.

- Kè bao chứa cát xung quanh bãi tập kết cát để phòng ngừa cát rửa trôi xuống lòng sông khi trời mưa với chiều dài 168m, chiều cao của bao cát xếp lớp 1m và độ lún của bao cát kè 20cm.

2.5. Phương án cải tạo phục hồi môi trường:

Số TT	Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường	Tiến độ thực hiện
I.	Khu vực khai trường khai thác	
1.1.	Tháo dỡ thiết bị, máy móc phục vụ khai thác: Tháo dỡ và di dời 01 hệ thống khai thác, 01 máy xúc. Các thiết bị, máy móc sau khi kết thúc khai thác sẽ được vận chuyển từ khu vực khai thác về kho của Công ty TNHH NNB Kon Tum tại Lô D3, Đường A3-A5, Khu công nghiệp Hòa Bình, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum với chiều dài quãng đường vận chuyển khoảng 40km, đường loại V.	Từ ngày 07/6/2031 đến 07/12/2031
1.2.	San gạt lại khu vực khai trường tạo mặt bằng, để không cản trở dòng chảy khi vào mùa nước dâng tại khu vực bãi bồi diện tích 3.926m ² với khối lượng 1.177,80 m ³ (chiều dày lớp đất cần san gạt trung bình 30cm).	Từ ngày 07/6/2031 đến 07/12/2031

Số TT	Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường	Tiến độ thực hiện
1.3.	Chống sạt lở bờ sông: Đoạn bờ sông tiếp giáp với đường mòn hiện hữu đang có nguy cơ sạt lở với tổng chiều dài 175 m. Phòng chống sạt lở khu vực này bằng cách xếp đá khan không chít mạch đoạn dài 175 m, cao 1m.	Từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025.
II.	Khu vực mặt bằng sân công nghiệp	
2.1.	Xây dựng 01 hố ga thu nước ở cuối rãnh thoát nước trong khu vực sân công nghiệp trước khi dẫn ra sông với kích thước mỗi hố ga DxRxH=1x1x1 m.	Tháng 07/2025
2.2.	Thực hiện nạo vét rãnh thoát nước đã được tạo trong giai đoạn xây dựng cơ bản và hố ga theo định kỳ 01 lần/năm với tổng khối lượng cần nạo vét trong suốt thời gian hoạt động dự án khoảng 18,1 m ³	Từ năm 2026 đến 30/11/2031
2.3.	- Tháo dỡ công trình phụ trợ: Tháo dỡ di dời 02 container 20 feet, thùng chứa chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, trạm cân,.. Các công trình phụ trợ sau khi tháo dỡ sẽ được vận chuyển về kho của Công ty TNHH NNB Kon Tum tại Lô D3, Đường A3-A5, Khu công nghiệp Hòa Bình, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, (cự ly vận chuyển <= 40km). - Phá móng bê tông đặt container 0,194 m³, kết cầu nền móng bê tự hoại 1,020m³ và tường gạch bê tự hoại 1,368m³. Khối lượng bê tông thải nhỏ phát sinh sẽ được tận dụng để đắp nền đoạn đường từ khu vực khai thác đến sân công nghiệp. - Khử trùng khu vực xây dựng bê tự hoại; vệ sinh toàn bộ khu vực với tổng diện tích 1.500 m².	Từ ngày 07/6/2031 đến 20/11/2031
2.4.	San gạt lớp bề mặt sân công nghiệp để tạo mặt bằng với khối lượng 150m ³ (chiều dày trung bình 10cm)	
2.5.	Phủ đất màu cải tạo đất 1.500m ² với khối lượng 150 m ³ (chiều dày lớp đất phủ 10cm)	Từ ngày 21/11/2031 đến 07/12/2031
2.6.	Xếp bao cát xung quanh bãi chứa cát phía sông với 495 bao (xếp 03 lớp)	Tháng 5/2026
III	Đường vận chuyển nội bộ	
3.1.	Tận dụng đất nạo vét, san sỏi trong quá trình khai thác và gạch, bê tông tháo dỡ sau khi kết thúc khai thác để san gạt và đắp bù những nơi hư hỏng với tổng khối lượng trong thời gian khai thác 270 m ³	Từ tháng 07/2025 đến 30/11/2031

- Tổng số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) là **183.702.594 đồng**.
- Phương thức ký quỹ: Thực hiện ký quỹ 07 lần.
- Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ: **34.659.741 đồng**.

- Số tiền ký quỹ các năm tiếp theo: **17.329.871 đồng** (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá*).

- Thời điểm ký quỹ:

* Ký thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt Báo cáo ĐTM.

* Ký quỹ lần thứ hai trở đi trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

Hàng năm, chủ dự án có trách nhiệm tự kê khai nộp tiền ký quỹ có tính đến yếu tố trượt giá và báo cho cơ quan quản lý nhà nước biết để theo dõi.

+ Đơn vị nhận ký quỹ: Công ty TNHH NNB Kon Tum nộp tiền ký quỹ vào tài khoản ký quỹ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, tài khoản số: 110616717777 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam- CN tỉnh Kon Tum.

3. Cam kết của Chủ dự án

Công ty TNHH NNB cam kết:

- Thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5. Đồng thời, áp dụng đúng các quy chuẩn so sánh hiện hành theo quy định.

- Thực hiện các cam kết với cộng đồng như đã nêu tại mục 6.2 của Chương 6.

- Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong suốt thời gian thực hiện Dự án bao gồm:

+ Tuân thủ theo các giới hạn cho phép của các quy chuẩn hiện hành để không làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực và các khu vực xung quanh.

+ Thực hiện tốt các biện pháp nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn cho người lao động.

+ Các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện trong quá trình triển khai xây dựng và thực hiện nạo vét.

+ Thực hiện đền bù cho người dân bị ảnh hưởng và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do hoạt động của phương án.

+ Cam kết nạo vét đúng vị trí, độ sâu, khối lượng cho phép, đổ thải đúng quy định.

+ Cam kết định kỳ hàng năm kiểm tra các công trình xử lý và bảo vệ môi trường, tổ chức bảo trì, bảo dưỡng và thay thế thiết bị, dụng cụ nếu có hư hỏng.

+ Cam kết sẽ không làm ảnh hưởng dẫn đến sạt lở bờ sông; thường xuyên kiểm tra sạt lở bờ sông; dừng ngay việc khai thác nếu phát sinh điểm sạt lở trong phạm vi khai thác, đồng thời báo cáo tới cơ quan chức năng có thẩm quyền để hướng dẫn, giải quyết kịp thời; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Cam kết tính trung thực, khách quan khi tính toán khoản tiền ký quỹ.
- Cam kết thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum.
- Cam kết bố trí nguồn vốn để thực hiện.
- Cam kết thực hiện đúng thời điểm ký quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều 37 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.
- Cam kết thực hiện và hoàn thành các biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường.
- Cam kết lập báo cáo kết quả chương trình giám sát môi trường gửi Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của địa phương theo quy định.

Trên đây là Báo cáo đánh giá các tác động môi trường của Dự án khai thác mỏ cát, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại vị trí 2 - thôn 3 và thôn 5, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, Công ty TNHH NNB Kon Tum cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu có những hành vi vi phạm về môi trường./.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))



GIÁM ĐỐC
Phạm Quốc Hùng